

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2024.

'V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông V Văn Vừng và ông Nguyễn Xuân Quốc.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Quang Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tỉnh B tham gia phiên toà:** Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25/10/2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/11/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lưu Minh S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Quang Thái 2, xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh T (có mặt).

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã Quang Minh, huyện L, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà anh Lưu Minh S là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh S kết hôn với chị Nguyễn Thị N vào ngày 30/5/2011. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh T. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị N về chung sống cùng anh S ngay. Cưới được 04 ngày vợ chồng chuyển đến thành phố Hải Dương thuê nhà trọ ở để tiện cho công việc làm của chị N. Vợ chồng cũng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Tháng 3/2012 vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị N ở. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 02/2021, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về kinh tế nhưng vợ chồng không đánh cãi chửi nhau. Tháng 8/2022 vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về kinh tế và vợ chồng có xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 6/2024 nguyên nhân là do chị N ghi ngờ anh S quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng có xảy ra việc cãi chửi nhau. Từ tháng 9/2024 anh S học thêm tiếng nước ngoài ở thành phố Hải Phòng và từ tháng 9/2024 đến nay anh S ít về thăm nhà và đôi bên không thường thông tin liên lạc với nhau.

Nay anh S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh sớm được ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lưu Minh Q, sinh ngày 10/01/2012; Lưu Minh V, sinh ngày 22/8/2017 và Lưu Minh Trí Kiên, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con chung đang ở với chị N. Ly hôn chị N nhận nuôi cả 03 con đến tuổi trưởng thành thì anh đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1tháng/1cháu. Anh Hiệp đang làm hợp đồng tại Công ty vận tải biển Việt Nam và hiện tại anh đang nghỉ không lương.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị N là bị đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị N kết hôn với anh Lưu Minh S vào ngày 30/5/2011. Trước khi cưới đôi bên có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh T. Sau ngày cưới theo phong tục tập quán của địa phương chị về chung sống cùng anh S ngay. Cưới được 04 ngày vợ chồng chuyển đến thành phố Hải Dương thuê nhà trọ ở để tiện cho công việc làm của chị. Vợ chồng cũng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Tháng 3/2012 vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Khoảng tháng 8/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị hiểu lầm anh S có quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng chị có xảy ra việc cãi chửi nhau, nhưng không đánh nhau lần nào. Từ tháng 9/2024 anh S làm ở thành phố Hải Phòng và học thêm tiếng nước ngoài ở thành phố Hải Phòng nên từ tháng 9/2024 đến nay anh S không thường xuyên về thăm nhà và không thường xuyên thông tin, liên lạc với chị.

Nay anh S khởi kiện ly hôn, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và vợ chồng vẫn có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lưu Minh Q, sinh ngày 10/01/2012; Lưu Minh V, sinh ngày 22/8/2017 và Lưu Minh Trí Kiên, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con chung đang ở với chị. Chị muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con. Nếu vợ chồng xảy ra việc ly hôn, chị nhận nuôi cả 03 con đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1tháng/1cháu. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH SUMIDENSO Việt Nam ở khu công nghiệp Đại An thành phố Hải Dương. Thu nhập bình Q 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

+ Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Minh S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lưu Minh S và chị Nguyễn Thị N: Giao cháu Lưu Minh Q, sinh ngày 10/01/2012; Lưu Minh V, sinh ngày 22/8/2017 và Lưu Minh Trí Kiên, sinh ngày 18/7/2022 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1tháng/1cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2024 đến khi con đủ 18 tuổi .

+ Về án phí: Anh Lưu Minh S phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Minh S đối với chị Nguyễn Thị N thì thấy: Chị Nguyễn Thị N có nơi cư trú: Thôn H, xã M (nay là xã Quang Minh), huyện L, tỉnh B. Do vậy, vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Minh S kết hôn cùng chị Nguyễn Thị N vào ngày 30/5/2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã UBND xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh T. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị N là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh S và chị N đều xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6/2024 đến tháng 9/2024, nguyên nhân là do chị N ghi ngờ anh S có biểu hiện nam nữ bất chính và đôi bên không cùng chí hướng nên vợ chồng đã nhiều lần xảy ra việc cãi chửi nhau và từ tháng 9/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh S yêu cầu ly hôn, chị N không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh S chị N là do chị N nghi ngờ anh S có quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng nhiều lần xảy ra việc cãi chửi nhau; ngoài ra mâu thuẫn vợ chồng là do đôi bên không cùng chung chí hướng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng không có kết quả; gia đình đôi bên đã động viên đoàn tụ nhưng không có kết quả. Tại phiên toà hôm nay anh S vẫn cương quyết ly hôn, chị N mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không có phương án nào để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, từ những căn cứ trên HĐXX đã đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn vợ chồng anh S chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S và xử cho anh S được ly hôn với chị N là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Xác nhận anh S và chị N có 03 con chung là Lưu Minh Q, sinh ngày 10/01/2012; Lưu Minh V, sinh ngày 22/8/2017 và Lưu Minh Trí Kiên, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con chung do chị N nuôi dưỡng. Tại phiên toà hôm nay, anh S và chị N đều thoả thuận, giao ba cháu cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1tháng/1cháu. Xét thấy, sự thoả thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh S chị N là hoàn toàn tự nguyện; mặt khác các cháu đều mong muốn được ở với chị N nên HĐXX công nhận sự tự nguyện về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh S và chị N phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Xét thấy anh S, chị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Lưu Minh S là nguyên đơn trong vụ án nên anh S phải chịu 300.000 đồng ly hôn sơ thẩm. Anh S phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan về hệ hôn nhân: Xử cho anh Lưu Minh S được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lưu Minh S và chị Nguyễn Thị N: Giao cháu Lưu Minh Q, sinh ngày 10/01/2012; Lưu Minh V, sinh ngày 22/8/2017 và Lưu Minh Trí Kiên, sinh ngày 18/7/2022 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/1tháng/1cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2024 đến khi con đủ 18 tuổi .

4. Về án phí: Anh Lưu Minh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L theo biên lai số: 0001204, ngày 25/10/2024. Xác nhận anh S đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Buộc anh Lưu Minh S phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lưu Minh S và chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Thái Hòa, huyện H, tỉnh T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà

